TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-8-2019
"V/v *tranh chấp ly hôn giữa chị S và anh T"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa

Các Hội Thẩm nhân dân: 1/ Ông Lương Phát Đạt

2/ Bà Nguyễn Thị Huệ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Thanh Huyền– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2019/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp: "xin ly hôn và nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 151/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên toà nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

1.1 Về hôn nhân: Hôn nhân giữa Nguyễn Thị S và anh Trần Quốc T là tự nguyện, sau thời gian tìm hiểu chị S và anh T quyết định tiến tới hôn nhân vào năm 2012, đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống, đến khi chị S sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do anh T không chung thủy trong tình cảm vợ chồng, trong thời gian chị S ở nhà nuôi con anh T ra bên ngoài đi làm và có quan hệ với người phụ nữa khác, nhiều lần chị S yêu cầu anh T chấm dứt qua lại với

người phụ nữ đó để vợ chồng cùng nhau chung sống và nuôi dạy con cái nhưng anh T không chịu nghe, vẫn tiếp tục qua lại với người phụ nữ khác, bỏ bê gia đình, không quan tâm đến chị S và con làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay nhận thấy không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, nên chị S yêu cầu Toà án cho ly hôn với anh Trần Quốc T.

Về con chung: Chị S và anh T chung sống có một con chung tên Trần Quốc Nh, sinh năm 2018. Khi ly hôn chị S yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung đến trưởng thành. Yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án xem xét.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quốc T được Toà án triệu tập tham gia các phiên hoà giải, phiên họp công khai chứng cứ và tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về Tố tụng: Chị Nguyễn Thị S khởi kiện yêu cầu Toà án xem xét cho ly hôn với anh Trần Quốc T và yêu cầu được nuôi con chung. Xét đây là quan hệ pháp luật hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn anh Trần Quốc T được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án xét xử vắng mặt đối với anh T.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Trần Quốc T có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên quan hệ hôn nhân này là hợp pháp, khi phát sinh tranh chấp Toà án xem xét giải quyết theo thủ tục chung.

[4] Xét nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Trần Quốc T xuất phát từ chỗ anh T không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, không quan tâm xây dựng hạnh phúc gia đình, bỏ mặc vợ con không quan tâm chăm sóc, mặc dù chị S nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không từ bỏ, hiện chị S không còn tình cảm với anh T và kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy, không thể hàn gắn hôn nhân giữa chị S và anh T nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị S ly hôn với anh T.

[5] Về nuôi con chung: Xét cháu Trần Quốc Nh là con chung của chị S và anh T đang được chị S chăm sóc, nuôi dưỡng và chị S có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Nh nên Hội đồng xét xử chấp nhận và giao quyền nuôi con cho chị S đối với cháu Nh theo quy định của pháp luật. Dành quyền thăm nom chăm sóc,

giáo dục con chung cho anh T theo quy định của pháp luật không ai được quyền ngăn cản.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Xét yêu cầu chị Nguyễn Thị S đề nghị anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng. Xét thu nhập của anh T theo lời trình bày của chị S mỗi tháng là 12.000.000 đồng nên anh T có đủ điều kiện để cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị của chị S buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ tháng 9/2019.

[7] Về nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu toà án xem xét nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu, nên Toà án không xem xét về tài sản chung.

[9] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 107; Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 có hiệu lực 01.01.2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc án phí, lệ phí.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị S về việc xin ly hôn và nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung với anh Trần Quốc T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị S và anh Trần Quốc T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Quốc Nh, sinh năm 2018 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh Trần Quốc T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu Nh tròn 18 tuổi. Thời hạn thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2019. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Trần Quốc T theo quy định của pháp luật không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản chung: Toà án không xem xét.

4. Về nợ chung: Toà án không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị S phải nộp số tiền 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001556 ngày 13/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Quốc T phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Tuyên án công khai nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật Tố tụng duân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Cờ Đỏ;
- UBND xã Thạnh Phú;
- Phòng tư pháp huyện Cờ Đỏ;
- Lưu HS, VT, Toà DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đăng Khoa